

Phú Cường, ngày 6 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KHỐI LÁ NĂM HỌC: 2024 – 2025

Căn cứ vào phân phối Chương trình Giáo dục Mầm non năm học 2024– 2025 của trường mầm non Hoa Lan;

Khối Lá trường mầm non Hoa Lan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

I/ THÔNG TIN CHUNG VỀ KHỐI

- Mẫu giáo: Lớp Lá (5 tuổi) là : 2 lớp ,65 trẻ

+ **Giáo viên:** Có 4 giáo viên

1. Hồ Phan Ánh Phương
2. Phùng Thị Hưng
3. Nguyễn Thị Phi Liên
4. Ngô Hoa Cúc

+ **Trình độ:** Đại học

II/ MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Mẫu giáo: (5 lĩnh vực)

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán
	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.

3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

LỚP Lá 1 (5-6 tuổi):

1. Lĩnh vực	Stt MT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT (24 MỤC TIÊU)	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời
	2	-Bật xa tối thiểu 50cm	- Bật qua vật cản 15 – 20cm - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 50 cm
	3	-Nhảy xuống từ độ cao 40 cm	- Bật tách, khép chân qua 7 ô. - Nhảy xuống từ độ cao 35 cm - Nhảy từ trên cao xuống 35 cm – 40cm
	4	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m) - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.
	5	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.

6	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang
7	Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc,cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò Zích zắc qua 7 điểm.cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m
8	Biết Tự mặc và cởi quần áo.	*- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá.
9	Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
10	Đi,đạp và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp	- Đi và đạp bắt bóng - Đi,đạp và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
11	Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đội trên đầu Đứng 1 chân và giữ thăng người trong vòng 10 giây,đi lên xuống trên ván dốc(dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m	Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuy gối. - Đi nôi bàn chân tiến lùi - Đi trên dây, Đi lên xuống trên ván dốc theo mục tiêu - Đi thăng bằng trên ghế thể dục.
12	Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5-7),10 giây	Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5-7),10 giây *- Chạy theo đường zích zắc. - Chạy chậm khoảng 100 -120m
13	Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy liên tục khoảng 100m - 120 không
14	Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	*- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
15	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	*- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
16	- Biết Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày	*- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày.

			- Giữ gìn vệ sinh răng miệng, đầu tóc mặt mũi...
17	Biết Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày		*- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản *- Biết bốn nhóm thực phẩm .Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh. - Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.
18	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.		*- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn ngୁội lạnh , ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
19	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm		*- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
20	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm		*- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng , hành động sai
21	-Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.		*- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chăn nuôi, bãi rác, ...
22	Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép		*-Giáo Dục Trẻ có thói quen xin phép cô, ba mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
23	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm		*- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật,... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.

	24	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	*- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá.
	25	-Phát triển các cơ nhỏ của bàn tay	-Thông qua hoạt động: Tô màu, vẽ, viết, nặn, xé dán... thực hiện bài tập khéo léo. -Thông qua thau tác rửa tay, lau mặt...
LĨNH VỰC NHẬN THỨC	26	Biết nói một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học. - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường
	27	Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. - Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
	28	Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật, đồ vật theo đặc điểm chung	a/Cây cối, con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. b/ Đồ dùng đồ chơi - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
	29	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	a/ Con vật, cây. -Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật.

		- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối. b/ Hiện tượng tự nhiên: - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
30	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	*- Biết tên gọi các mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. + Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè + Mùa Thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... + Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
31	Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	*- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... . Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... -Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
32	– Biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng	*- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
33		* Phương tiện giao thông.

		* Phương tiện giao thông (đặc điểm...)	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 dấu hiệu.
	34	- Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	*- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học, ... - Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.
	35	- Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	*- Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội. - Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.
	36	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	*- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...). - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
	37	- Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	*- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
	38	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	a/ Đo độ dài - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. b/ Đo dung tích. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	39	- Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	*- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
	40	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	*- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.

	41	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;	*- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
	42	– Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;	*- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.
	43	- Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ	*- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ
	44	- Thích đặt câu hỏi;	*- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
	45	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	*- Làm một số thí nghiệm - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật hiện tượng nào đó. -Quan sát các sự vật , hiện tượng xung quanh
	46	Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;	*- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.
	47	- Biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;	Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
	48	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc	*- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	49	Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	*- Đặt lời theo giai điệu một bài hát,bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích
	50	– Biết Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình;	*-Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.

	51	Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác	Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các khác
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	52	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	*- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể. - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	53	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	*- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	54	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	*- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	55	Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	56	- Nói rõ ràng;	*- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	57	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
	58	Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	59	Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
	60	Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	*- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn.

			- Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
61	Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;		Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến. - Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu.
62	Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;		Nghe một số câu chuyện trong chủ đề. - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật, lời nói hành động.
63	Biết cách khởi xướng cuộc trò ch		Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
64	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;		Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp
65	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp; Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;		Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
66	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;		Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
67	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;		*- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
68	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;		Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép. các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khoẻ ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
69	Không nói tục, chửi bậy.		Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
70	Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh		Nhận dạng các chữ cái đã học.

			- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	71	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản	*- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
	72	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	*- Xem, nghe đọc và tự “ đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
	73	Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	*- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
	74	- Có một số hành vi như người đọc sách;	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	75	“Đọc” theo truyện tranh đã biết;	*- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
	76	Biết kể chuyện theo tranh.	*- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
	77	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	*- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói.
	78	Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;	Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết. *- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
	79	Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;	*- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình

	80	Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;	Hướng viết của các nét chữ. - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô.
	81	Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Tô, đồ các nét chữ cái đã học. - Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	82	Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rồng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
	83	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	*- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ
	84	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	Dán hình theo ý thích, -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	85	Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi
	86	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẽ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc.
	87	Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	*- Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những ký hiệu theo ý thích - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	88	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	Hát, vận động, Nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
	89	- Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;	*- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

	90	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc	Hát và Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp)
	91	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	92	Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	Vẽ , xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. - Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	93	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau	*- Vận động minh họa sáng tạo một số bài hát - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn) - Tạo Âm thanh nhạc cụ, tiếng gió , tiếng suối chảy...

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM- XÃ HỘI	94	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. - Một số thói quen hành vi văn minh
	95	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng
	96	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	Sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	97	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình.
	98	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	*- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học - Hoàn thành công việc được giao
	99	Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay

	100	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	*- Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. - Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
	101	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
	102	- Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;	Nhận biết và thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) - Tình cảm yêu thương và Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với các con vật - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. - Cảnh đẹp của quê em.
	103	Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	*- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
	104	Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc	Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
	105	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
	106	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	*- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. - Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.
	107	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	*- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn.

			- Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi.
	108	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	*- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.
	109	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	*- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.
	110	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.
	111	Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	*- Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
	112	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội quy qui định của lớp học. -Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.
	113	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện
	114	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;	*- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
	115	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	*- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.
	116	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	*- Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
	117	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. - Thực hiện công việc được giao (Trục nhật, xếp dọn đồ chơi)
	118	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng

			- Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người . - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
	119	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn
	120	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến
	121	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... - Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học.
	122	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	Thói quen bỏ rác vào thùng, Chăm dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp.
	123	Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Nhận biết khả năng, sở thích của người thân, bạn bè. - Nói được sở thích và khả năng của người thân.
	124	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;	Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng, màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) - Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân - Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình. - Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.
	125	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn

III/ CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NĂM HỌC: 2024- 2025

KHỎI LÁ

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
TRƯỜNG MN (2 tuần) TTT	Từ 09/09 đến 13/09/2024	Ngôi trường Hoa Lan của bé
	Từ 16/09 đến 20/09/2024	Công việc của các cô chú trong trường MN
BẢN THÂN BÉ (3 tuần)	Từ 23/09 đến 27/09/2024	Bé là ai?
	Từ 30/09 đến 04/10/2024	Cơ thể của bé
	Từ 07/10 đến 11/10/2024	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh
GIA ĐÌNH CỦA BÉ (3 tuần) 20/10	Từ 14/10 đến 18/10/2024	Ngôi nhà của bé
	Từ 21/10 đến 25/10/2024	Những người thân yêu trong nhà bé
	Từ 28/10 đến 01/11/2024	Nhu cầu của gia đình bé
BÉ BIẾT MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ (2 tuần)	Từ 04/11 đến 08/11/2024	Nghề xây dựng
	Từ 11/11 đến 15/11/2024	Chú bộ đội, chú công an
BÉ TẬP LÀM NGƯỜI LỚN (2 tuần) 20/11	Từ 18/11 đến 22/11/2024	Nghề giáo viên (20-11)
	Từ 25/11 đến 29/11/2024	Nghề bác sĩ
THẾ GIỚI ĐỘNGVẬT (4 tuần) 22/12	Từ 02/12 đến 06/12/2024	Con vật nuôi trong nhà
	Từ 09/12 đến 13/12/2024	Con vật sống dưới nước
	Từ 16/12 đến 20/12/2024	Côn trùng
	Từ 23/12 đến 27/12/2024	Bảo vệ động vật sống trong rừng
CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần)	Từ 30/12 đến 03/01//2025	Nước
	Từ 06/01 đến 10/01/2025	Các hiện tượng thiên nhiên
MÙA XUÂN – TẾT (2 tuần)	Từ 13/01 đến 17/01/2025	Mùa xuân tươi đẹp
	Từ 20/01 đến 24/01/2025	Tết cổ truyền

Nghỉ tết nguyên đán 25/01/ 2025 ➔ 02/02/2025

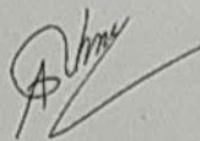
LỄ HỘI DANH LAM THẮNG CẢNH, DI TÍCH QUÊ EM (2 tuần)	Từ 03/02 đến 07/02/2025	Lễ hội quê bé
	Từ 10/02 đến 14/02/2025	Danh lam thắng cảnh quê bé
AN TOÀN GIAO THÔNG (3 tuần) 8/3	Từ 17/02 đến 21/02/2025	Một số phương tiện giao thông bé biết
	Từ 24/2 đến 28/2/2025	Các loại biển báo giao thông
	Từ 3/03 đến 07/03/2025	Bé học Luật giao thông
THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần)	Từ 10/03 đến 14/03/2025	Cây xanh và môi trường sống
	Từ 17/03 đến 21/03/2025	Các loại hoa bé yêu
	Từ 24/3 đến 28/3/2025	Các loại quả bé thích
	Từ 31/03 đến 04/04/2025	Các loại rau – củ quanh bé
QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ (2 tuần)	Từ 07/04 đến 11/04/2025	Khu phố của bé
	Từ 14/04 đến 18/4/2025	Bình dương quê bé
QH – TĐ BÁC HỒ CỦA BÉ (3 tuần) (Ngày giải phóng Miền Nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5)	Từ 21/04 đến 25/4/2025	Thủ đô Hà nội
	Từ 28/4 đến 02/05/2025	Hoạt động trải nghiệm
	Từ 05/05 đến 10/05/2025	Bác Hồ kính yêu
BÉ VÀO LỚP 1 (2 tuần)	Từ 12/05 đến 16/05/2025	Trường Tiểu học
	Từ 19/05 đến 23/05/2025	Bé chuẩn bị vào lớp 1

IV/ CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

LỚP 5 tuổi:

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 15	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 7g 40	ĂN SÁNG				
7g 40 => 8g 10	HOẠT ĐỘNG HỌC TIẾT 1				
	KPKH	LQCV	TDGH	LQVT	LQCV
8g 20 => 9g 0	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9 g 0 => 9 g 20	HOẠT ĐỘNG HỌC TIẾT 2				
		LQVH-PTNN		GDAN	
9g 20 => 10g 10	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI <i>(Ngày 2 tiết thời gian chơi 30 phút)</i>				
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g 15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU <i>(Tuần cuối chủ đề BTLNT)</i>				
14g15=>14g50	HDTC mới	TTVS (AV)	Học đọc- Học viết (BCBVLM)	THNTH (NĐ)	SHTT AV
14g50 =>15g 15	HĐ phòng máy				
15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG				
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ				

Khối trưởng

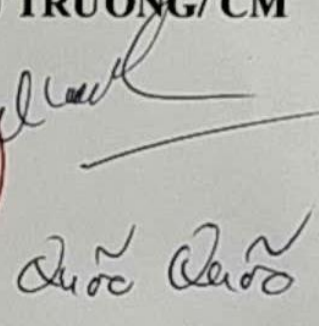


Hồ Phan Ánh Phương

PHÊ DUYỆT CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA LAN

Đồng nhất với kế hoạch tởn Lạ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG/ CM



Trương Quốc Anh

